

Số: /QĐ-BVHTTDL

Hà Nội, ngày tháng năm 2025

QUYẾT ĐỊNH
Ban hành Chiến lược Chuyển đổi số
của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch giai đoạn 2025-2030

BỘ TRƯỞNG BỘ VĂN HÓA, THỂ THAO VÀ DU LỊCH

*Căn cứ Luật An ninh mạng số 24/2018/QH14 ngày 12 tháng 6 năm 2018;
Căn cứ Luật Công nghệ thông tin số 67/2006/QH11 ngày 12 tháng 07 năm 2006;
Căn cứ Luật Dữ liệu ngày 30 tháng 11 năm 2024;
Căn cứ Nghị quyết số 214/NQ-CP ngày 23 tháng 07 năm 2025 của Chính phủ về ban hành Kế hoạch hành động của Chính phủ về thúc đẩy tạo lập dữ liệu phục vụ chuyển đổi số toàn diện;
Căn cứ Nghị định số 43/2025/NĐ-CP ngày 28 tháng 02 năm 2025 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch;
Theo đề nghị của Chánh Văn phòng Bộ và Giám đốc Trung tâm Chuyển đổi số Văn hóa, Thể thao và Du lịch.*

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Chiến lược Chuyển đổi số của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch giai đoạn 2025-2030.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Điều 3. Chánh Văn phòng Bộ, Giám đốc Trung tâm Chuyển đổi số Văn hóa, Thể thao và Du lịch, Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị trực thuộc Bộ và các cơ quan, đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Bộ trưởng (để báo cáo);
- Bộ Công an;
- Các Thứ trưởng;
- Lưu: VT, CĐSVHTTDL, NN.80.

KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG

Phan Tâm

**CHIẾN LƯỢC CHUYỂN ĐỔI SỐ CỦA
BỘ VĂN HÓA, THỂ THAO VÀ DU LỊCH GIAI ĐOẠN 2025-2030**
(Kèm theo Quyết định số /QĐ-BVHTTDL ngày tháng năm 2025
của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch)

I. CĂN CỨ XÂY DỰNG CHIẾN LƯỢC

1. Căn cứ chính trị

- Căn cứ Nghị quyết 57-NQ/TW ngày 22 tháng 12 năm 2024 của Bộ Chính trị về đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia;

- Căn cứ Kế hoạch số 02-KH/BCĐTW ngày 19 tháng 6 năm 2025 của Ban Chỉ đạo Trung ương về phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số về thúc đẩy chuyển đổi số liên thông, đồng bộ, nhanh, hiệu quả đáp ứng yêu cầu sắp xếp tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị.

2. Căn cứ pháp lý

- Căn cứ Quyết định số 749/QĐ-TTg ngày 03 tháng 6 năm 2020 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt “Chương trình Chuyển đổi số quốc gia đến năm 2025, định hướng đến năm 2030”;

- Căn cứ Quyết định số 942/QĐ-TTg ngày 15 tháng 06 năm 2021 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chiến lược phát triển Chính phủ điện tử hướng tới Chính phủ số giai đoạn 2021-2025, định hướng đến năm 2030;

- Căn cứ Quyết định số 411/QĐ-TTg ngày 31 tháng 3 năm 2022 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chiến lược quốc gia phát triển kinh tế số và xã hội số đến năm 2025, định hướng đến năm 2030;

- Căn cứ Nghị quyết số 71/NQ-CP ngày 01 tháng 4 năm 2025 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung cập nhật Chương trình hành động của Chính phủ thực hiện Nghị quyết số 57-NQ/TW ngày 22/12/2024 của Bộ Chính trị về đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia;

- Căn cứ Nghị quyết số 214/NQ-CP ngày 23 tháng 07 năm 2025 của Chính phủ về ban hành Kế hoạch hành động của Chính phủ về thúc đẩy tạo lập dữ liệu phục vụ chuyển đổi số toàn diện;

3. Căn cứ chỉ đạo chuyên ngành

- Căn cứ Quyết định số 3611/QĐ-BVHTTDL ngày 31 tháng 12 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch phê duyệt chương trình Chuyển đổi số của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch đến năm 2025, định hướng đến năm 2030;

- Căn cứ Quyết định số 1381/QĐ-BVHTTDL ngày 15 tháng 05 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch ban hành Kế hoạch năm 2025 của Ban chỉ đạo của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch về phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số, cải cách hành chính và Đề án 06;

II. QUAN ĐIỂM

1. Chuyển đổi số là xu thế tất yếu và động lực chiến lược của ngành Văn hóa, Thể thao và Du lịch (VHTTDL).

2. Các nội dung ưu tiên trong Chiến lược Chuyển đổi số: Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch xác định trọng tâm của chuyển đổi số là tập trung vào những lĩnh vực có tác động trực tiếp đến người dân, doanh nghiệp và cộng đồng sáng tạo trong phạm vi quản lý ngành. Việc xây dựng hạ tầng số, phát triển cơ sở dữ liệu chuyên ngành thống nhất và bảo đảm an toàn, an ninh thông tin là yếu tố tiên quyết để đảm bảo tính thành công, bền vững chiến lược chuyển đổi số của Bộ.

3. Chiến lược Chuyển đổi số và Chiến lược Dữ liệu là hai trụ cột gắn bó trong cùng một tổng thể thống nhất - nơi Chiến lược Chuyển đổi số xác định mục tiêu và hướng đi, còn Chiến lược Dữ liệu kiến tạo nền tảng và nguồn lực cốt lõi để hiện thực hóa các mục tiêu đó.

III. NGUYÊN TẮC

Nguyên tắc 1. Tuân thủ chủ trương, chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước

Chuyển đổi số của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch được triển khai trên cơ sở tuân thủ đầy đủ các chủ trương, chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước và các chiến lược, chương trình quốc gia về chuyển đổi số.

Nguyên tắc 2. Lấy người dân và doanh nghiệp làm trung tâm

Chuyển đổi số của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch được triển khai trên cơ sở lấy người dân, doanh nghiệp làm trung tâm, hướng tới nâng cao chất lượng phục vụ, giảm chi phí xã hội và tạo thuận lợi tối đa cho hoạt động sản xuất, kinh doanh, học tập và sáng tạo.

Nguyên tắc 3. Bảo đảm tính đồng bộ, liên thông và tránh phân mảnh

Chuyển đổi số của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch hướng tới xây dựng hệ sinh thái dữ liệu mở, bảo đảm liên thông và chia sẻ giữa các cấp, các đơn vị trong ngành với các cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp và cộng đồng xã hội.

Nguyên tắc 4. Bảo đảm an toàn, an ninh thông tin và bảo vệ dữ liệu cá nhân

Chuyển đổi số của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch phải gắn liền với việc bảo đảm an toàn, an ninh mạng và an toàn thông tin ở mức cao, là điều kiện tiên quyết để triển khai thành công và bền vững.

Nguyên tắc 5. Chuyển đổi số phải gắn kết chặt chẽ giữa cải cách hành chính, đổi mới thể chế và ứng dụng công nghệ

Chuyển đổi số của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch phải được triển khai gắn liền với cải cách hành chính, đổi mới thể chế và ứng dụng công nghệ, coi đây là phương thức trọng yếu để tinh gọn tổ chức, tối ưu hóa quy trình, nâng cao tính công khai, minh bạch và hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước.

Nguyên tắc 6. Bảo đảm tính mở, khả năng mở rộng, thích ứng công nghệ mới

Chuyển đổi số của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch phải được triển khai trên nền tảng mở, bảo đảm khả năng mở rộng, nâng cấp, tích hợp và thích ứng với các

công nghệ mới.

IV. TẦM NHÌN

Đến năm 2030, Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch trở thành một trong những Bộ đi đầu về chuyển đổi số, hiện đại hóa quản lý, chỉ đạo, điều hành trên nền tảng dữ liệu số thống nhất, an toàn và liên thông. Chuyển đổi số trở thành chìa khóa để khẳng định sức mạnh mềm văn hóa và nâng cao năng lực cạnh tranh của Việt Nam trên trường quốc tế.

Tất cả các dịch vụ công thuộc thẩm quyền Bộ đủ điều kiện được cung cấp trực tuyến toàn trình trên đa phương tiện, tích hợp trên Cổng dịch vụ công quốc gia, bảo đảm người dân và doanh nghiệp được phục vụ nhanh chóng, thuận tiện, minh bạch.

Công nghệ số được coi là nền tảng trọng yếu để Bộ nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước, đẩy mạnh phát triển các lĩnh vực mà Bộ VHTTDL quản lý.

Chiến lược Chuyển đổi số Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch hướng tới việc giải quyết những bài toán lớn, cốt lõi của Bộ, qua đó hình thành một hệ sinh thái số thống nhất, an toàn và bền vững, nơi dữ liệu trở thành nền tảng cho đổi mới sáng tạo và phát triển ngành.

V. MỤC TIÊU ĐẾN NĂM 2030

1. Mục tiêu tổng quát

Chương trình chuyển đổi số của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch nhằm xây dựng Chính phủ điện tử từng bước phân đầu hướng tới Chính phủ số trong phạm vi Bộ; đổi mới toàn diện phương thức quản lý, điều hành, nâng cao chất lượng phục vụ người dân và doanh nghiệp, đáp ứng yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội; thúc đẩy đổi mới hoạt động sản xuất, kinh doanh, dịch vụ của các tổ chức, đơn vị, doanh nghiệp trong các lĩnh vực mà Bộ VHTTDL quản lý; đồng thời phát triển văn hóa số, hình thành thể hệ công dân số, gắn với mục tiêu phát triển kinh tế số và xã hội số.

Hiện đại hóa quản lý nhà nước dựa trên dữ liệu số toàn diện, an toàn, thống nhất, liên thông, cải cách hành chính, tiến tới 100% dịch vụ công đủ điều kiện được cung cấp trực tuyến toàn trình, tích hợp Cổng DVCQG. Đồng thời, phát triển hạ tầng số và các nền tảng số mở theo hướng hiện đại, bảo mật, làm nền tảng cho kết nối, chia sẻ dữ liệu và cung cấp dịch vụ số an toàn, tin cậy.

2. Mục tiêu theo giai đoạn

2.1. Giai đoạn 2025-2027: Kiến tạo nền tảng và tăng tốc chuyển đổi

Đây là giai đoạn tập trung vào việc xây dựng các yếu tố nền tảng, mang tính tiền đề cho quá trình chuyển đổi số sâu rộng. Mục tiêu của giai đoạn này là hoàn thiện thể chế, xây dựng hạ tầng kỹ thuật thiết yếu, số hóa dữ liệu cốt lõi và phổ cập kỹ năng số cơ bản. Việc hoàn thành các nhiệm vụ trong giai đoạn này là điều kiện tiên quyết để chuyển sang giai đoạn phát triển toàn diện và thông minh hơn.

2.1.1. Hoàn thiện thể chế và cải cách hành chính

- Ban hành và áp dụng Khung Kiến trúc số của Bộ VHTTDL, bảo đảm sự tuân thủ và đồng bộ với Khung Kiến trúc tổng thể quốc gia số, tạo ra một bản khung thiết kế thống nhất cho tất cả các dự án công nghệ thông tin trong toàn ngành.

- Từng bước rà soát, đơn giản hóa và tái cấu trúc quy trình các thủ tục hành chính.

- Xây dựng và ban hành các quy chế nội bộ về quản lý, quản trị, kết nối, chia sẻ và khai thác dữ liệu trong toàn ngành, thiết lập một hành lang pháp lý rõ ràng cho việc sử dụng tài nguyên dữ liệu.

2.1.2. Phát triển Chính phủ số

- Triển khai đồng bộ Hệ thống quản lý văn bản và điều hành trên toàn ngành, từng bước hình thành môi trường làm việc số, không giấy tờ.

- Đưa vào vận hành chính thức Hệ thống thông tin báo cáo của Bộ, kết nối liên thông, chia sẻ dữ liệu với Hệ thống thông tin báo cáo quốc gia, phục vụ hiệu quả công tác chỉ đạo, điều hành dựa trên dữ liệu thời gian thực.

- Hoàn thành việc tích hợp 100% dịch vụ công trực tuyến đủ điều kiện của Bộ lên Cổng Dịch vụ công quốc gia, bảo đảm người dân và doanh nghiệp có một điểm truy cập duy nhất, thuận tiện và minh bạch.

2.1.3. Phát triển dữ liệu, nền tảng và hạ tầng số

- Xây dựng và đưa vào vận hành Nền tảng tích hợp, chia sẻ dữ liệu cấp Bộ (LGSP), đóng vai trò là trục xương sống kết nối các hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu của Bộ và liên thông với Nền tảng tích hợp, chia sẻ dữ liệu quốc gia (NDXP), nền tảng tích hợp, chia sẻ khác.

- Ưu tiên nguồn lực để số hóa và xây dựng các cơ sở dữ liệu chuyên ngành cốt lõi theo nguyên tắc "đúng - đủ - sạch - sống".

- Phát triển hạ tầng đáp ứng nhu cầu lưu trữ, xử lý dữ liệu ngày càng tăng, phù hợp với định hướng chung.

- Triển khai các nền tảng số chuyên ngành mang tính nền tảng thuộc danh mục các lĩnh vực Bộ VHTTDL quản lý.

2.1.4. Phát triển kinh tế số và xã hội số

- Công bố danh mục dữ liệu mở của Bộ tạo điều kiện cho doanh nghiệp và cộng đồng khai thác, phát triển các sản phẩm, dịch vụ mới.

- Hình thành cơ chế bảo đảm quyền sở hữu dữ liệu, trách nhiệm quản lý và nghĩa vụ khai thác dữ liệu, thúc đẩy phát triển thị trường dữ liệu bền vững.

- Triển khai các chương trình hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa trong các lĩnh vực do Bộ quản lý tiếp cận và ứng dụng các nền tảng số, nâng cao năng lực cạnh tranh trong kỷ nguyên số.

- Tổ chức các chương trình đào tạo, bồi dưỡng nhằm phổ cập kỹ năng số cơ bản cho 100% cán bộ, công chức, viên chức của Bộ và các đối tượng nòng cốt trong ngành (hướng dẫn viên du lịch, cán bộ thư viện, bảo tàng...), tạo nền tảng nhân lực cho chuyển đổi số.

- Xây dựng môi trường văn hóa lành mạnh, an toàn trên các nền tảng số và

không gian mạng, phù hợp với nền kinh tế số, xã hội số và công dân số, tập trung xây dựng và triển khai quy tắc ứng xử văn hóa, văn minh trên môi trường số. Đẩy mạnh các chiến dịch truyền thông làm sạch không gian mạng.

2.1.5. Đảm bảo an toàn thông tin và phát triển nhân lực số

- Thành lập và đưa vào vận hành Trung tâm giám sát an toàn thông tin (SOC) của Bộ, kết nối với Trung tâm giám sát an toàn không gian mạng quốc gia, bảo đảm khả năng giám sát, phát hiện và ứng phó sớm với các nguy cơ mất an toàn thông tin.

- Hoàn thành phê duyệt cấp độ an toàn cho 100% hệ thống thông tin của Bộ, triển khai các biện pháp bảo vệ tương ứng theo quy định.

- Hình thành đội ngũ chuyên gia nòng cốt về chuyển đổi số, phân tích dữ liệu và an toàn thông tin tại các đơn vị, chuẩn bị nguồn nhân lực chất lượng cao cho giai đoạn tiếp theo.

2.2. Giai đoạn 2028-2030: Đồng bộ, toàn diện và tạo giá trị mới

Trên cơ sở nền tảng đã được kiến tạo, giai đoạn này tập trung vào việc khai thác sâu, tích hợp toàn diện và tạo ra các giá trị mới từ công nghệ số và dữ liệu. Mục tiêu là chuyển từ "số hóa" sang "chuyển đổi số thực chất", nơi dữ liệu trở thành tài sản chiến lược, các quy trình được vận hành thông minh, và các dịch vụ số mang lại giá trị gia tăng cao cho xã hội và nền kinh tế.

2.2.1. Hoàn thiện thể chế và cải cách hành chính

- Tiếp tục hoàn thiện hành lang pháp lý toàn diện cho quản trị dữ liệu chuyên ngành, thương mại hóa dữ liệu và phát triển các hệ sinh thái số, tạo môi trường thuận lợi cho đổi mới sáng tạo.

- Tiếp tục hoàn thiện cơ chế phối hợp và liên thông quy trình nghiệp vụ với các bộ, ngành, địa phương nhằm giảm trùng lặp thủ tục, nâng cao hiệu quả quản lý và phục vụ người dân, doanh nghiệp.

2.2.2. Phát triển Chính phủ số thông minh

- Từng bước triển khai các công cụ thông minh như trợ lý ảo để hỗ trợ cán bộ, công chức trong công việc hàng ngày, nâng cao năng suất lao động và chất lượng tham mưu.

- Ứng dụng rộng rãi công nghệ phân tích dữ liệu lớn (Big Data) và trí tuệ nhân tạo (AI) để phục vụ công tác dự báo, phân tích chính sách và hỗ trợ ra quyết định dựa trên bằng chứng.

- Từng bước liên thông, đồng bộ dữ liệu và quy trình nghiệp vụ một cách toàn diện với các bộ, ngành, địa phương, hình thành một không gian quản lý thống nhất, không bị phân mảnh.

- Hoàn thành việc tích hợp 100% dịch vụ công mức độ 4, được cung cấp đa phương tiện.

2.2.3. Phát triển dữ liệu, nền tảng và hạ tầng số

- Hoàn thiện hệ sinh thái nền tảng số của ngành, tạo ra một không gian số

liền mạch thúc đẩy phát triển các lĩnh vực mà Bộ VHTTDL quản lý.

- Hình thành thị trường dữ liệu trong các lĩnh vực VHTTDL, xây dựng cơ chế để các tổ chức, doanh nghiệp có thể khai thác, thương mại hóa dữ liệu một cách minh bạch, an toàn và tuân thủ pháp luật, biến dữ liệu thành một nguồn lực kinh tế mới.

2.2.4. Phát triển kinh tế số và xã hội số

- Phân đầu đóng góp đáng kể vào mục tiêu kinh tế số.
- Hình thành một cộng đồng sáng tạo số mạnh mẽ, hỗ trợ các tài năng phát triển sản phẩm văn hóa số (phim ảnh, âm nhạc, game, nghệ thuật số) có chất lượng và quảng bá ra thị trường quốc tế.

2.2.5. Đảm bảo an toàn thông tin và phát triển nhân lực số

- Bảo đảm an toàn thông tin theo chiều sâu với nhiều lớp bảo vệ cho các hệ thống thông tin quan trọng, nâng cao khả năng phòng thủ trước các cuộc tấn công mạng tinh vi.

- Thành lập và duy trì hoạt động hiệu quả của Đội ứng cứu sự cố an toàn thông tin mạng (CSIRT) của ngành, tổ chức diễn tập thực chiến định kỳ hàng năm để nâng cao năng lực ứng phó.

- Đảm bảo 100% cán bộ, công chức, viên chức có kỹ năng số cơ bản và ít nhất 70% có kỹ năng số nâng cao, hình thành văn hóa học tập suốt đời thông qua các nền tảng đào tạo trực tuyến của ngành.

VI. NHIỆM VỤ VÀ GIẢI PHÁP

Để hiện thực hóa các mục tiêu đã đề ra, các nhiệm vụ và giải pháp được phân chia cụ thể theo từng giai đoạn, đảm bảo tính khả thi và tập trung nguồn lực.

1. Giai đoạn 2025-2027: Triển khai Nền tảng

1.1. Hoàn thiện thể chế số

- Rà soát, sửa đổi và bổ sung các văn bản pháp quy thuộc thẩm quyền Bộ để loại bỏ quy định chồng chéo, tích hợp yêu cầu số hóa và quản trị dựa trên dữ liệu. Ban hành Quy chế quản trị dữ liệu Bộ VHTTDL.

- Ban hành cơ chế phối hợp, kết nối, chia sẻ dữ liệu giữa Bộ với các bộ, ngành, địa phương, đảm bảo tương thích với các luật mới về giao dịch điện tử, dữ liệu số và bảo vệ dữ liệu cá nhân.

- Chuẩn hóa quy trình soạn thảo, tham vấn, thẩm định và ban hành văn bản pháp luật theo hướng điện tử hóa toàn trình, gắn chặt với cải cách hành chính.

1.2. Phát triển Chính phủ số

- Tích hợp 100% Thủ tục hành chính (TTHC) đủ điều kiện lên Cổng Dịch vụ công quốc gia, đảm bảo quy trình xử lý trực tuyến liên thông, thống nhất, không phân mảnh.

- Triển khai Hệ thống thông tin báo cáo của Bộ, kết nối, chia sẻ dữ liệu với Hệ thống thông tin báo cáo quốc gia, phục vụ hiệu quả công tác chỉ đạo, điều hành.

- Triển khai hệ thống quản lý văn bản, điều hành và hồ sơ công việc điện tử

trong toàn ngành.

- Hoàn thiện dashboard điều hành cấp Bộ, ứng dụng các công cụ phân tích dữ liệu trực tuyến cơ bản để hỗ trợ lãnh đạo ra quyết định.

1.3. Phát triển Kinh tế số

- Xây dựng và ban hành quy chế quản trị và khai thác dữ liệu kinh tế số, công bố danh mục dữ liệu mở ưu tiên.

- Tập trung xây dựng và triển khai các nền tảng số cốt lõi, dùng chung cho toàn ngành.

- Xây dựng và vận hành cơ sở dữ liệu (CSDL) về các ngành công nghiệp văn hóa (điện ảnh, nghệ thuật biểu diễn, quảng cáo, du lịch văn hóa...) để làm cơ sở đánh giá sự đóng góp vào GDP.

1.4. Xây dựng Xã hội số

- Thúc đẩy hình thành xã hội số, phổ cập kỹ năng số cơ bản cho người dân, lực lượng nòng cốt như hướng dẫn viên du lịch, cán bộ thư viện, bảo tàng; đồng thời xây dựng và lan tỏa bộ quy tắc ứng xử văn hóa trên môi trường số.

1.5. Phát triển Dữ liệu số

- Thu thập, tạo lập và xây dựng các CSDL chuyên ngành thuộc các lĩnh vực Bộ VHTTDL quản lý.

Khởi động xây dựng Hệ thống nền tảng quản lý và tích hợp dữ liệu ngành VHTTDL, tập trung vào các lĩnh vực trọng điểm.

- Ban hành danh mục CSDL chuyên ngành của Bộ và danh mục dữ liệu mở ưu tiên, công bố theo quy định.

- Hoàn thiện kho lưu trữ số của Bộ phục vụ tra cứu, quản lý hồ sơ hành chính và kết nối với Cổng quản lý khai thác CSDL quốc gia.

1.6. Xây dựng Nền tảng số

- Khởi công xây dựng và đưa vào vận hành Nền tảng tích hợp, chia sẻ dữ liệu của Bộ (LGSP), đảm bảo kết nối liên thông với Nền tảng tích hợp, chia sẻ dữ liệu quốc gia (NGSP).

- Xây dựng và vận hành thử nghiệm các nền tảng ứng dụng chuyên ngành dùng chung trong các lĩnh vực.

1.7. Xây dựng Hạ tầng số

Từng bước nâng cấp, mở rộng hạ tầng kết nối số chuyên ngành bảo đảm an toàn, thông suốt; đồng thời phát triển hoặc thuê hạ tầng điện toán đám mây phù hợp để phục vụ lưu trữ và vận hành dữ liệu của Bộ.

1.8. Phát triển Nhân lực số

Đẩy mạnh đào tạo, bồi dưỡng kỹ năng số cho cán bộ, công chức, viên chức, đặc biệt là người đứng đầu; tăng cường năng lực quản trị, phân tích và khai thác dữ liệu cho các đơn vị tham mưu, hoạch định chính sách. Đồng thời, lựa chọn và phát triển đội ngũ nòng cốt làm chủ công nghệ mới như AI, dữ liệu lớn, Blockchain, IoT, từng bước hình thành lực lượng chuyên gia hạt nhân trong toàn ngành.

1.9. Huy động Nguồn lực tài chính

Ưu tiên bố trí ngân sách nhà nước cho các nhiệm vụ nền tảng như phát triển CSDL chuyên ngành, triển khai các nền tảng số dùng chung và hạ tầng số. Đồng thời rà soát, đánh giá toàn bộ các dự án chuyển đổi số để đảm bảo sử dụng ngân sách tiết kiệm, hiệu quả, tránh đầu tư chồng chéo.

1.10. Đảm bảo An toàn thông tin, An ninh mạng

Tăng cường bảo đảm an toàn, an ninh thông tin theo cấp độ đối với các hệ thống của Bộ; từng bước xây dựng Trung tâm giám sát an toàn thông tin kết nối với hệ thống quốc gia. Phổ cập sử dụng chữ ký số trong hoạt động nội bộ, triển khai định danh điện tử trong giao dịch với người dân, doanh nghiệp; đồng thời hình thành lực lượng ứng cứu sự cố chuyên trách, được đào tạo, huấn luyện thường xuyên.

2. Giai đoạn 2028-2030: Tối ưu hóa và mở rộng

2.1. Hoàn thiện thể chế số và môi trường pháp lý

- Tiếp tục hoàn thiện hành lang pháp lý về quản trị dữ liệu chuyên ngành, ban hành các quy định cụ thể về trách nhiệm chủ quản dữ liệu, quy trình chuẩn hóa, chia sẻ và mở dữ liệu.

- Tiếp tục hoàn thiện mô hình thể chế số toàn diện, đảm bảo toàn bộ quá trình xây dựng và ban hành văn bản quy phạm pháp luật của Bộ được thực hiện trực tuyến trên nền dữ liệu số minh bạch, liên thông.

2.2. Phát triển Chính phủ số

- Áp dụng công nghệ mới nhất về phân tích dữ liệu lớn, trí tuệ nhân tạo để thực hiện chuyển đổi số toàn diện các mặt công tác chỉ đạo, điều hành.

- Cung cấp 100% dịch vụ công trực tuyến toàn trình trên đa phương tiện.

- Hướng tới áp dụng phân tích dự báo và xử lý tự động trong các quy trình nghiệp vụ đặc thù nhằm nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý ngành.

2.3. Phát triển Kinh tế số

Tiếp tục hoàn thiện hệ sinh thái công nghiệp văn hóa số, đưa các ngành trọng điểm như điện ảnh, quảng cáo, trò chơi điện tử, thiết kế sáng tạo thành nguồn đóng góp lớn trong GDP của ngành.

2.4. Xây dựng Xã hội số

Thúc đẩy chuyển đổi số trong toàn bộ hoạt động thuộc phạm vi quản lý của Bộ, mở rộng cung cấp dịch vụ số cho người dân và tổ chức; đồng thời phát triển đồng bộ hạ tầng, nền tảng và dữ liệu số trên cả nước nhằm thu hẹp khoảng cách số giữa các vùng, miền.

2.5. Phát triển Dữ liệu số

- Hoàn thiện hệ thống các CSDL chuyên ngành, đảm bảo được số hóa đầy đủ, cập nhật thường xuyên và liên thông, xuyên suốt từ Trung ương tới địa phương, đảm bảo tính “đúng-đủ-sạch-sống”.

- Phát triển và vận hành hiệu quả hệ thống phân tích, xử lý dữ liệu tổng hợp (Big Data/AI) phục vụ dự báo xu hướng, phân tích tác động và hỗ trợ ra quyết định.
- Hoàn thiện cơ chế chia sẻ, khai thác và thương mại hóa dữ liệu, khuyến khích hình thành doanh nghiệp dữ liệu; ban hành từ điển dữ liệu thống nhất toàn ngành.

2.6. Xây dựng Nền tảng số

Đảm bảo liên thông nền tảng số của Bộ với các nền tảng quốc gia và nền tảng của các bộ, ngành, địa phương khác. Tích hợp, mở rộng và hoàn thiện sinh thái nền tảng số của Bộ. Đồng thời, thúc đẩy ứng dụng công nghệ tiên tiến như trí tuệ nhân tạo, dữ liệu lớn, Blockchain phục vụ phân tích, dự báo và khai thác hiệu quả dữ liệu ngành.

2.7. Xây dựng Hạ tầng số

Phát triển hạ tầng số hiện đại của Bộ theo chuẩn quốc gia, bảo đảm các hệ thống, dữ liệu và ứng dụng được vận hành an toàn, tin cậy, đáp ứng nhu cầu phân tích dữ liệu lớn và ứng dụng trí tuệ nhân tạo trong các nghiệp vụ chuyên ngành.

2.8. Phát triển Nhân lực số

- Tiếp tục triển khai đào tạo kỹ năng số cơ bản và đào tạo chuyên sâu quản trị, xử lý và phân tích dữ liệu để đảm bảo 100% cán bộ công chức viên chức và người lao động được trang bị kỹ năng số cơ bản, đồng thời từng bước nâng cao tỷ lệ cán bộ có năng lực ứng dụng, quản trị và phân tích dữ liệu ở mức chuyên sâu.
- Hình thành lực lượng nhân lực chất lượng cao, có khả năng làm chủ công nghệ mới và hợp tác quốc tế trong đào tạo, nghiên cứu và ứng dụng công nghệ số.

2.9. Huy động Nguồn lực tài chính

Hoàn thiện cơ chế tài chính số minh bạch, bảo đảm các dự án chuyển đổi số được quản lý, giám sát hiệu quả; đồng thời đa dạng hóa nguồn lực đầu tư, thúc đẩy hợp tác công – tư và huy động sự tham gia của doanh nghiệp, tổ chức trong và ngoài nước.

2.10. Đảm bảo An toàn thông tin, An ninh mạng

Tăng cường năng lực bảo đảm an toàn, an ninh mạng của Bộ thông qua triển khai mô hình bảo vệ nhiều lớp, vận hành trung tâm điều hành an ninh mạng đạt chuẩn, duy trì lực lượng ứng cứu sự cố chuyên trách và tổ chức diễn tập định kỳ.

VII. KINH PHÍ THỰC HIỆN

Nguồn kinh phí thực hiện được bảo đảm từ các nguồn sau:

1. Kinh phí thực hiện được bố trí từ nguồn ngân sách nhà nước theo phân cấp ngân sách hiện hành, vốn lồng ghép và các nguồn vốn hợp pháp khác (nếu có).
2. Huy động các nguồn kinh phí hợp pháp khác.

VIII. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Trung tâm Chuyển đổi số Văn hóa, Thể thao và Du lịch (Trung tâm CĐS)

- a) Chủ trì, hướng dẫn chung về kỹ thuật, phối hợp với các đơn vị có liên quan tổ chức xây dựng kế hoạch chi tiết hàng năm, hướng dẫn, việc thực hiện Chiến lược.
- b) Phối hợp với các đơn vị để thực hiện các nhiệm vụ đề ra; đồng thời tổng

hợp, theo dõi tiến độ và kết quả thực hiện Chiến lược trên phạm vi toàn ngành.

c) Tham mưu, giúp việc Lãnh đạo Bộ đơn đốc, kiểm tra các đơn vị trong việc thực thi các nhiệm vụ liên quan.

d) Căn cứ tình hình thực tế để đánh giá định kỳ, đề xuất tham mưu cập nhật chiến lược phù hợp.

2. Vụ Kế hoạch, Tài chính

Bố trí, cân đối, điều phối nguồn lực tài chính cho các dự án, nhiệm vụ chuyển đổi số của Bộ theo từng giai đoạn. Chủ trì, phối hợp với các cơ quan, đơn vị liên quan bảo đảm nguồn kinh phí, giám sát và đánh giá việc sử dụng kinh phí

3. Vụ Pháp chế

Chủ trì, phối hợp với các đơn vị liên quan xây dựng, sửa đổi và hoàn thiện hệ thống văn bản quy phạm pháp luật phục vụ chuyển đổi số của Bộ. Tham mưu thẩm quyền trình các văn bản pháp lý về dữ liệu số, an toàn thông tin, bản quyền, thương mại điện tử trong lĩnh vực VHTTDL.

4. Các cơ quan, đơn vị thuộc Bộ VHTTDL

a) Xây dựng chiến lược chuyên đề, kế hoạch triển khai Chương trình chuyển đổi số của Bộ VHTTDL tại cơ quan, đơn vị, gắn kết với các đề án, dự án.

b) Chủ động tổ chức triển khai kế hoạch chuyển đổi số tại đơn vị. Nâng cao vai trò, trách nhiệm của công chức, viên chức và người lao động trong việc thực hiện chuyển đổi số.

c) Phối hợp chặt chẽ với Văn phòng Bộ, Trung tâm CDS triển khai các nhiệm vụ thuộc Chương trình chuyển đổi số đã được phê duyệt.

5. Các Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch; các Sở Văn hóa và Thể thao và các Sở Du lịch

a) Phối hợp với các đơn vị của Bộ trong việc triển khai thực hiện các nhiệm vụ của Chiến lược chuyển đổi số, từ cấp Trung ương đến các địa phương.

b) Triển khai sử dụng, chia sẻ và khai thác dữ liệu từ các hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu và nền tảng số dùng chung, do Bộ cung cấp và triển khai trên toàn quốc.

c) Thực hiện các nhiệm vụ từ địa phương với trung ương theo hướng dẫn của Bộ. Đảm bảo triển khai theo kế hoạch chi tiết hàng năm của Chiến lược, tuân thủ các tiêu chuẩn, quy định do Bộ ban hành; đồng thời hưởng ứng triển khai các dịch vụ số phục vụ người dân và doanh nghiệp tại địa phương.